

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4394/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 4734/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Kiều A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 41/82 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức E, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Số 41/82 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Vương quốc Anh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 13-9-2019 và các văn bản khác, nguyên đơn chị Lê Kiều A trình bày:

Chị A và anh Nguyễn Đức E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng ngày 11 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn, chị A và anh E chung sống cùng gia đình anh E tại Số 41/82

đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống, đến năm 2015 thì quan hệ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Do mâu thuẫn nên anh E đã bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Sau một thời gian thì anh E thông báo cho chị A và người thân là đã sang Vương Quốc Anh theo con đường du lịch. Từ đó đến nay, anh E thỉnh thoảng liên lạc với gia đình nhưng vì anh E cư trú bất hợp pháp, thường xuyên phải thay đổi nơi ở nên chị A và gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh E. Từ khi anh E sang Vương Quốc Anh đến nay, anh E không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với chị A và các con. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh E không còn, cuộc sống hôn nhân không có tương lai nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh E để ổn định cuộc sống và không ảnh hưởng đến các con chung.

Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh E có hai con chung là: Nguyễn Minh G, sinh ngày 04-11-2011 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 05-7-2014. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh E; được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị A và anh E đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A; về quan hệ nuôi con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Minh G, sinh ngày 04-11-2011 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 05-7-2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; về tiền cấp dưỡng nuôi con chung và quan hệ tài sản chung, chị A không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho anh E; đồng thời tổng đạt các văn bản nêu trên cho gia đình anh E. Gia đình anh E xác nhận đã thông báo lại nội dung văn bản cho anh E, anh E đồng ý nhưng anh E không gửi văn bản ý kiến về. Tại phiên tòa, anh E vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; việc vắng mặt của anh E thuộc trường hợp bị đơn cố ý giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh E theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, thành phố Hải Phòng ngày 11 tháng 3 năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, những năm đầu hòa thuận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ năm 2015 và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chính là do tính cách, quan điểm sống giữa hai bên không còn phù hợp. Do mâu thuẫn nên anh E đã bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sau đó sang Vương Quốc Anh bằng đường du lịch rồi cư trú bất hợp pháp tại đó. Từ đó đến nay, anh E không còn quan tâm đến chị A và các con chung. Hiện tại, anh E vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ của anh E qua điện thoại. Bố mẹ đẻ của anh E đã thông tin cho anh E biết hiện Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh E và chị A, quan điểm của anh E là đồng ý nhưng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình. Bố mẹ đẻ anh E không biết địa chỉ cụ thể của anh E tại Vương Quốc Anh và cũng không xác định được đến thời điểm nào anh E mới về Việt Nam. Nay chị A nhận thấy quan hệ vợ chồng không có tương lai, nếu kéo dài chỉ gây khó khăn cho cuộc sống của mỗi người nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy, yêu cầu của chị A phù hợp với thực tế tình trạng gia đình, mối quan hệ giữa chị A, anh E và phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Chị A và anh E có hai con chung là: Nguyễn Minh G, sinh ngày 04-11-2011 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 05-7-2014. Hiện cả hai con chung đang được chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị A về việc nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Minh G; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị A không yêu cầu nên không đặt

ra vấn đề giải quyết. Anh E có quyền thăm nom con, chị A không được cản trở anh E thực hiện quyền này - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

[6] Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kiều A;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Kiều A được ly hôn với anh Nguyễn Đức E.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Minh G, sinh ngày 04-11-2011 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 05-7-2014 cho chị Lê Kiều A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lê Kiều A không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh Nguyễn Đức E có quyền thăm nom con, chị Lê Kiều A không được cản trở anh Nguyễn Đức E thực hiện quyền này. Anh Nguyễn Đức E không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Lê Kiều A xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Kiều A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008403 ngày 20-

9-2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Lê Kiều A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Lê Kiều A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Đức E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường C, quận D, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương